

Số: 20 /2015/QĐ-UBND

Bà Rịa, ngày 13 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều chỉnh đề án tái định cư
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn năm 2010 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2014/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của HĐND tỉnh Khóa V, kỳ họp thứ 9 về việc phê chuẩn Điều chỉnh Đề án tái định cư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn năm 2010-2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 22/TTr-SXD ngày 20/01/2015 về việc phê duyệt Điều chỉnh đề án tái định cư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn năm 2010-2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh đề án tái định cư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn năm 2010 - 2015 (kèm theo quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTr. Tỉnh ủy (b/c), TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh và các thành viên UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Đài PT&TH tỉnh; Báo BR-VT;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; Website CCHC tỉnh;
- Lưu: VT, TH, X6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thới

MỤC LỤC

I. Sự cần thiết phải điều chỉnh đề án	Trang 1
II. Căn cứ pháp lý để Điều chỉnh Đề án	Trang 1
III. Tình hình triển khai thực hiện Đề án	Trang 1-5
IV. Những thuận lợi và khó khăn	Trang 5-7
V. Phương án Điều chỉnh Đề án	Trang 7- 15
VI. Tổ chức thực hiện	Trang 15-16
<i>- Chi tiết các dự án được đính kèm theo tại phụ lục số 01</i>	
<i>- Chi tiết các dự án được đính kèm theo tại phụ lục số 02</i>	
<i>- Chi tiết các dự án được đính kèm theo tại phụ lục số 03</i>	
<i>- Chi tiết các dự án được đính kèm theo tại phụ lục số 04</i>	

**ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU GIAI ĐOẠN NĂM 2010 – 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2015/QĐ-UBND ngày 13/3/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

I. Sự cần thiết phải điều chỉnh đề án:

Thời gian qua, việc triển khai đề án tái định cư theo Quyết định số 34/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, do khó khăn chung của nền kinh tế, nên một số dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách bị cắt giảm đầu tư hoặc giãn vốn đầu tư không giải phóng mặt bằng nên không có nhu cầu tái định cư; ngoài ra, một số địa phương trong quá trình khảo sát lập đề án đã đăng ký nhiều danh mục dự án chưa sát nhu cầu tái định cư thực tế. Do đó, để cập nhật đầy đủ số liệu về số suất tái định cư đã thực hiện đầu tư và cập nhật lại quy mô của các dự án tái định cư để phục vụ cho công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư trong thời gian tới, cần thiết phải rà soát điều chỉnh Đề án tái định cư.

II. Căn cứ pháp lý để Điều chỉnh Đề án

Quyết định số 34/2010/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tái định cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2015.

Nghị định số 84/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng nhà ở tái định cư và Thông tư số 07/2014/TT-BXD ngày 20/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 84/2013/NĐ-CP;

Nghị quyết số 13/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của Hội Đồng nhân dân tỉnh về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - Xã hội quốc phòng an ninh năm 2014 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết số 13/2013/NQ-HĐND. Trong đó, tại điểm c, khoản 1, mục II UBND tỉnh có giao: “Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan rà soát điều chỉnh đề án tái định cư giai đoạn 2010-2015... ”;

Văn bản số 4655/UBND-VP ngày 07/7/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh đề án tái định cư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn năm 2010- 2015 (viết tắt là Điều chỉnh Đề án tái định cư).

III. Tình hình triển khai thực hiện Đề án

1. Nhiệm vụ, yêu cầu của Đề án

Theo Đề án được phê duyệt, toàn tỉnh triển khai 60 dự án tái định cư, với số suất tái định cư (suất) dự kiến được đầu tư xây dựng trên địa bàn khoảng

30.000 suất. Tổng diện tích đất dự kiến để đầu tư xây dựng các dự án trên khoảng 800 ha. Tổng mức đầu tư xây dựng các dự án theo Đề án khoảng 9.000 tỷ đồng; trong đó: Tổng mức đầu tư các dự án tái định cư phục vụ cho các dự án hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội sử dụng vốn ngân sách khoảng 4.208 tỷ đồng (14.027 suất), tổng mức đầu tư các dự án tái định cư phục vụ cho các dự án sử dụng vốn khác khoảng 4.792 tỷ đồng (15.973 suất).

Phân bổ số suất, số dự án tái định cư tại các địa phương như sau:

ST T	Tên dự án tái định cư	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Số suất tái định cư dự kiến				Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
				Tổng số	Lô nền đất	Nhà xây thô	Căn hộ CC	
1	Thành phố Vũng Tàu	12	173,2	10.080	6.164	329	2.628	3.677,0
2	Thành phố Bà Rịa	15	124,0	4.850	4.414	-	436	1.385,0
3	Huyện Tân Thành	6	134,0	3.270	2.978	-	300	688,0
4	Huyện Long Điền	15	208,6	8.118	7.529	-	-	2.073,0
5	Huyện Đất Đỏ	5	71,5	2.132	3.161	-	-	583,0
6	Huyện Châu Đức	2	54,3	1.243	1.189	-	-	228,0
7	Huyện Xuyên Mộc	5	33,0	859	732	-	-	337,0
8	Huyện Côn Đảo	-	1,4	140	140	-	-	29,0
	TỔNG CỘNG	60	800,0	30.000	26.307	329	3.364	9.000,0

(Chi tiết các dự án được đính kèm theo tại phụ lục số 01)

2. Kết quả thực hiện:

a) Kết quả tổng quan:

- Chủ trương xây dựng các khu tái định cư để phục vụ cho dân có chỗ ở ổn định sau khi bị giải tỏa di dời đã được sự quan tâm đặc biệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và đã được thực hiện triển khai rất tích cực ở hầu hết các địa phương, đa số các địa phương đã chủ động trong việc đầu tư xây dựng các khu tái định cư; đã xây dựng hoàn thành kịp thời một số khu tái định cư đáp ứng được nhu cầu ở cho các hộ dân có đất bị thu hồi, ổn định chỗ ở và cuộc sống.

- Công tác quy hoạch xây dựng các dự án tái định cư của Đề án cơ bản phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, với quy hoạch xây dựng chung của tỉnh; các quy hoạch tái định cư có sự gắn kết với việc chỉnh trang đô thị; hình thành các khu đô thị, khu dân cư mới. Hạ tầng kỹ thuật trong các khu dân cư tương đối tốt, thuận lợi cho các hộ dân sinh sống, chất lượng các dự án tái định cư được xây dựng, cơ bản đảm bảo yêu cầu thiết kế kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn quy phạm hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản

b) Kết quả cụ thể: Đến nay, toàn tỉnh đã triển khai 39 dự án¹ tái định cư với 16.998/30.000 suất (1.424 căn hộ, 592 nhà xây thô và 14.982 nền đất) tổng mức đầu tư khoảng 4.502,3 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 479,6ha (đạt khoảng 56,7% so với đề án), trong đó:

- Các dự án đã hoàn thành: Gồm 25 dự án với 9.006 suất (8.496 nền đất và 510 nhà xây thô) tổng giá trị công trình 1.279,6 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 278,8ha (đạt khoảng 30% so với đề án), đã bàn giao được 6.345 suất (5.987 nền đất và 358 nhà xây thô), đang lập thủ tục để tiếp tục bàn giao 2.661 suất (2.579 nền đất và 251 nhà xây thô), cụ thể:

+ Theo Đề án có 14 dự án với 5.826 suất (5.575 nền đất và 251 nhà xây thô) tổng giá trị công trình 998,8 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 198,9ha, đã bàn giao được 4.020 suất (3.838 nền đất và 182 nhà xây thô), đang lập thủ tục để tiếp tục bàn giao 1.806 suất (1.737 nền đất và 69 nhà xây thô).

+ Ngoài đề án có 11 dự án với 3.180 suất (2.921 nền đất và 259 nhà xây thô) tổng giá trị công trình 280,8 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 79,9ha, đã bàn giao được 2.325 suất (2.149 nền đất và 176 nhà xây thô), đang lập thủ tục để tiếp tục bàn giao 855 suất (842 nền đất và 83 nhà xây thô).

ST T	Tên địa phương	Tổng số dự án	trong đó:		Quy mô xây dựng				Tổng mức đầu tư(tỷ đồng)
			The o đề án	Ngo ài đề án	Tổng DT (ha)	Suất tái định cư			
						Xây dựng	đã bàn giao	Chưa bàn giao	
1	Thành phố Vũng Tàu	2	2	1	23,7	709	402	307	291,3
2	Thành phố Bà Rịa	9	7	2	93,4	2.472	1.802	670	488,47
3	Huyện Tân Thành	5	3	2	112,5	3.623	3.175	448	283,4
4	Huyện Long Điền	3	1	2	25,3	969	576	393	71,05
5	Huyện Đất Đỏ	1	1		13,5	664	105	559	71,40
6	Huyện Châu Đức	3		3	4,61	322	156	166	40,27
7	Huyện Xuyên Mộc	1		1	5,9	247	129	118	33,70
	Tổng cộng:	25	14	11	278,8	9.006	6.345	2.661	1.279,6

- Các dự án đang triển khai: Ngân sách đã bố trí vốn đầu tư 08 dự án với 5.142 suất (300 căn hộ và 4.842 nền đất), tổng diện tích đất khoảng 156,3ha, với tổng mức đầu tư khoảng 1.645,7 tỷ đồng (đạt khoảng 17,2% so với đề án), cụ thể:

¹ Trong 39 dự án đã triển khai: Tp. Vũng Tàu có 06 DA gồm 02 hoàn thành, 02 đang triển khai, 02 chuẩn bị đầu tư (CBĐT); Tp. Bà Rịa có 12 DA gồm 09 hoàn thành, 01 đang triển khai, 02 CBĐT; Tân Thành có 08 DA gồm 05 hoàn thành, 02 đang triển khai, 01 CBĐT; Long Điền có 04 DA gồm 03 hoàn thành, 01 CBĐT; Đất Đỏ có 04 DA gồm 01 hoàn thành, 03 đang triển khai; Châu Đức có 04 DA gồm 03 hoàn thành, 01 đang triển khai; Xuyên Mộc có 02 DA gồm 01 hoàn thành, 01 CBĐT.

+ Theo Đề án có 07 dự án với 4.844 suất (300 căn hộ và 4.544 nền đất) tổng mức đầu tư khoảng 1.437,3 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 143,9ha.

+ Ngoài Đề án có 01 dự án với 298 suất nền đất, tổng giá trị công trình khoảng 208,4 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 12,5ha.

ST T	Tên địa phương	Tổng số dự án	trong đó:		Quy mô (ha)	Số suất tái định cư dự kiến			Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)
			Theo đề án	Ngoài đề án		Tổng số	Lô nền đất	Căn hộ CC	
1	Thành phố Vũng Tàu	1	1	-	24,8	736	736	-	595,7
2	Thành phố Bà Rịa	1	-	1	12,46	298	298	-	208,4
3	Huyện Tân Thành	2	2	-	30,9	955	955	-	255,3
4	Huyện Đất Đỏ	3	3	-	46,5	1.781	1.781	-	420,0
5	Huyện Châu Đức	1	1	-	41,7	1.345	1.045	300	166,28
	Tổng cộng:	8	7	1	156,36	5.142	4.842	300	1.645,7

- Các dự án chuẩn bị đầu tư: Đến nay, đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư 06 dự án với 2.850 suất (1.124 căn hộ, 82 nhà xây thô và 1.644 nền đất), tổng diện tích đất khoảng 44,4ha, với tổng mức đầu tư khoảng 1.577 tỷ đồng (đạt khoảng 9,5% so với đề án), cụ thể:

+ Theo Đề án có 03 dự án với 1.819 suất (620 căn hộ và 1.199 nền đất) tổng mức đầu tư khoảng 692 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 33,5ha.

+ Ngoài Đề án có 03 dự án với 1.031 suất (504 căn hộ, 82 nhà xây thô và 445 nền đất) tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 885 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 8,7ha.

ST T	Tên địa phương	Tổng số dự án	trong đó:		Quy mô (ha)	Số suất tái định cư dự kiến				Tổng mức đầu tư dự kiến(tỷ đồng)
			Theo đề án	Ng oài đề án		Tổng số	Lô nền đất	Nhà xây thô	Căn hộ CC	
1	Thành phố Vũng Tàu	2	1	1	10,6	1.064	600	-	1.004	852,4
2	Thành phố Bà Rịa	2	-	1	2,7	82	-	82	-	205,6
3	Huyện Tân Thành	1	1	-	12,7	499	329	-	120	143,6
4	Huyện Long Điền	1	-	1	5,4	445	445	-	-	175,4
5	Huyện Xuyên Mộc	1	1	-	13,0	270	270	-	-	200,0
	Tổng cộng:	6	3	3	44,4	2.850	1.644	82	1.124	1.577,0

(Chi tiết các dự án được đính kèm theo tại phụ lục số 02)

IV. Những thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

- Chủ trương xây dựng các khu tái định cư để phục vụ cho dân có chỗ ở ổn định sau khi bị giải tỏa di dời đã được sự quan tâm đặc biệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và đã được thực hiện triển khai rất tích cực ở hầu hết các địa phương.

- Việc triển khai đầu tư xây dựng các khu tái định cư phù hợp với quy hoạch chung và các quy hoạch chi tiết của các xã, phường, gắn kết với chỉnh trang đô thị, hạ tầng kỹ thuật được xây dựng đồng bộ (đường giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, cây xanh...). Các công trình hạ tầng xã hội cũng được đầu tư kèm theo phục vụ đời sống sinh hoạt tái định cư của người dân (như trường mẫu giáo, trung tâm văn hóa cộng đồng, trạm y tế...), chất lượng các công trình dự án tái định cư được xây dựng trong thời gian qua cơ bản đảm bảo yêu cầu thiết kế kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn quy phạm hiện hành của nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản.

- Đa số các địa phương đã chủ động trong việc đầu tư xây dựng các khu tái định cư; đã xây dựng hoàn thành kịp thời một số khu tái định cư đáp ứng được nhu cầu ở cho các hộ dân có đất bị thu hồi, ổn định chỗ ở và cuộc sống. Các huyện, thành phố đã bố trí đủ suất tái định cư và chỗ ở mới cho các hộ bị giải tỏa, đến nay không còn nợ dân về suất tái định cư (Bà Rịa, Tân Thành). Việc xem xét giải quyết nhu cầu tái định cư cho các hộ dân được các địa phương thực hiện chặt chẽ, đúng chính sách, tạo được sự công bằng trong thực thi pháp luật.

2. Một số khó khăn, tồn tại

- Về quy hoạch tổng thể của Đề án là phù hợp với thực tế, tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Đề án cho thấy một số dự án tái định cư còn chưa bám sát nhu cầu về tái định cư của người dân ở từng địa bàn, có hiện tượng khu vực thì thiếu, khu vực lại thừa suất tái định cư trên cùng một địa bàn (huyện Tân Thành). Hình thức tái định cư bằng căn hộ xây thô ở một số nơi còn chưa phù hợp với nhu cầu của người dân, còn tồn tại các căn hộ xây thô không bàn giao được cho dân tái định cư, phải tốn chi phí quản lý, chi phí bảo dưỡng (huyện Châu Đức). Một số dự án TĐC tuy đã được quy hoạch, nhưng đến thời điểm triển khai thực hiện dự án, khu đất xây dựng dự án lại có mật độ dân cư quá đông, ngay cả việc bồi thường giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư tại chỗ cho dự án trên cũng đã gặp nhiều khó khăn, trở ngại nhất là địa bàn thành phố Vũng Tàu.

- Việc thực hiện công tác bồi thường còn kéo dài, trong khi chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư lại có thay đổi, phát sinh sự so bì, khiếu nại của người dân; quỹ đất tái định cư của địa phương còn triển khai chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng tái định cư.

- Về bố trí vốn để thực hiện dự án tái định cư: Hầu hết các địa phương đều gặp khó khăn về nguồn vốn khi thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, và xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho các dự án tái định cư, nguồn vốn ngân sách tập trung của tỉnh phải cân đối cho nhiều mục tiêu, vốn kế hoạch được bố trí hàng năm chưa đáp ứng được so với yêu cầu để triển khai thực hiện các dự án tái định cư đã được

duyet. Giải pháp về vốn để triển khai thực hiện Đề án tái định cư là thu hồi, quay vòng nguồn vốn đã đầu tư các dự án tái định cư để đầu tư tái định cư cho các năm tiếp theo, tuy nhiên thực tế đa số các hộ dân thuộc diện tái định cư đều ghi nợ tiền sử dụng đất khi nhận bàn giao đất tái định cư.

- Khó khăn về đánh giá nhu cầu thực khả năng vào ở của các hộ dân được nhận suất tái định cư: Mặc dù tỉnh đã rất tập trung để đầu tư xây dựng các khu tái định cư, đáp ứng khá kịp thời và đầy đủ nhu cầu cho các hộ dân đủ điều kiện hưởng chính sách tái định cư, nhưng việc các hộ dân chính thức ở và xây dựng nhà ở tại các khu tái định cư chiếm tỷ lệ thấp

3. Nguyên nhân

- Việc triển khai xây dựng các khu tái định cư có địa phương còn làm chậm do một số địa phương chưa đánh giá đúng thực trạng đầu tư xây dựng trên địa bàn, chưa tính đầy đủ nhu cầu thật sự của từng giai đoạn, chưa nắm chắc phục vụ cho dự án nào dẫn đến việc đăng ký nhiều dự án tái định cư nhưng không triển khai được nên cần phải điều chỉnh, loại ra khỏi đề án trong giai đoạn 2014-2015 (huyện Long Điền, Xuyên Mộc). Mặt khác, có dự án được bố trí khởi công mới nhưng lại thiếu vốn cho bồi thường giải tỏa. Cụ thể, như thành phố Vũng Tàu, địa phương hiện có tốc độ đô thị hóa cao và có nhu cầu về suất TĐC rất lớn (trên 9.000 suất cho giai đoạn 2010-2015), nhưng từ năm 2010 đến nay, thành phố Vũng Tàu chỉ hoàn thành được 413 suất tái định cư là số lượng quá thấp, đa số các dự án đều đang ở giai đoạn xin chủ trương, đang lập dự án hoặc đang triển khai bồi thường giải phóng mặt bằng, nên không có dự án tái định cư nào được sớm triển khai thi công trong thời gian tới.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, UBND các huyện, thành phố đã bám sát kế hoạch được duyệt của Đề án, tuy nhiên, trong mỗi giai đoạn thực hiện, UBND các huyện, thị, thành phố đã có những đề xuất thay đổi, địa điểm các dự án tái định cư cho phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương. Nguyên nhân chính của việc đề xuất thay đổi địa điểm xây dựng các dự án tái định cư xuất phát từ khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng (điển hình như Tp. Vũng Tàu).

- Đất để phục vụ nhu cầu tái định cư trong thời gian qua chỉ tạm thời đáp ứng được nhu cầu tại các huyện. Tại thành phố Bà Rịa và nhất là tại thành phố Vũng Tàu có tốc độ đô thị hoá rất nhanh đã làm cho nhu cầu tái định cư thời gian qua là rất lớn, mặt khác khi xây dựng phát triển nhiều dự án thì đất tại các đô thị này ngày càng hạn hẹp nên việc bố trí nền đất tái định cư sẽ ngày càng khó khăn hơn. Và ngược lại, việc chậm triển khai xây dựng các khu tái định cư có tác động lớn đến tiến độ triển khai thực hiện các dự án. Điển hình như tại thành phố Vũng Tàu nhiều dự án đã được đưa ra họp xét nhưng khi đến giai đoạn cần phải bố trí tái định cư thì phải tạm ngưng, có rất nhiều hộ đã được xét tính bồi thường, giao đất nhưng vẫn chưa thể thu hồi được mặt bằng do đang chờ nhà đất tái định cư để bố trí. Kế hoạch triển khai xây dựng các khu tái định cư của thành phố trong giai đoạn sắp tới chỉ đáp ứng được một phần những khó khăn về thiếu nhà đất tái định cư.

- Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất trong thời gian qua cũng triển khai rất chậm, ngay cả việc thực hiện tái định cư cho những dự án tái

định cư trong thời gian qua cũng gặp rất nhiều khó khăn trở ngại, trong đó có nguyên nhân do sự chưa hợp tác của người bị thu hồi đất. Một số hộ dân trong khu vực dự án có đơn khiếu kiện với nhà nước liên quan đến quyền lợi của họ khi bị thu hồi đất, việc khiếu kiện này thường dẫn đến quá trình giải quyết kéo dài là một trong những nguyên nhân chính khiến cho các dự án tái định cư chậm triển khai, chưa đáp ứng được tiến độ so với yêu cầu.

- Nguồn vốn đầu tư bồi thường hỗ trợ tái định cư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật các dự án tái định cư thời gian qua chủ yếu chỉ từ nguồn ngân sách nhà nước. Hơn nữa trong thời gian gần đây nguồn vốn này cũng hạn chế, nhiều công trình phải giãn vốn đầu tư do vậy đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Có thực tế là người dân bị thu hồi đất thường có tâm lý muốn nhận suất tái định cư là lô nền đất tái định cư hơn so với căn hộ chung cư, nhà liên kế xây thô hay hình thức tái định cư bằng tiền vì lý do kinh tế và nhu cầu sử dụng, nhất là tại các địa phương như thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa.

- Hình thức tái định cư bằng căn hộ xây thô có nơi chưa phù hợp với nhu cầu của người dân. Do vậy, không bàn giao được, phải tốn chi phí quản lý, chi phí duy tu và bảo dưỡng (thành phố Bà Rịa, huyện Tân Thành); một số dự án được quy hoạch nhưng do mật độ dân cư sinh sống tại chỗ quá đông, không thể triển khai công tác giải phóng mặt bằng, nếu triển khai dự án thì nhu cầu bố trí tái định cư tại chỗ lớn, không hiệu quả (thành phố Vũng Tàu).

- Hình thức tái định cư bằng tiền ít được thực hiện. Hình thức tái định cư bằng căn hộ chung cư chưa phù hợp với những địa phương còn quỹ đất lớn cũng như tập quán sinh sống, sản xuất của người dân (như Tân Thành, Bà Rịa...); đối với những địa phương quỹ đất còn ít như thành phố Vũng Tàu thì suất đầu tư cao không phù hợp với khả năng chi trả của người dân được tái định cư.

- Nhà nước giao căn hộ và nền đất với giá trị thấp theo chính sách, nên các hộ dân chuyển nhượng để tạo thu nhập tăng thêm từ chênh lệch, nhằm bù đắp một phần thiệt thòi đối với nhà đất khi bị giải tỏa; nhiều hộ dân có đất bị thu hồi không thực sự có nhu cầu ở nhưng vẫn đăng ký nhận suất tái định cư sau đó chuyển nhượng. Vì vậy, các nền đất và nhà xây thô tại các khu tái định cư đã có rất nhiều hộ dân không thuộc đối tượng tái định cư mua. Nhiều địa phương bố trí chỗ ở mới đối với người bị thu hồi đất không thuộc đối tượng được tái định cư vào các khu tái định cư.

- Các khu tái định cư phần lớn được đầu tư xây dựng tại các trung tâm nội thị phải tuân thủ quy hoạch, thiết kế, kiến trúc, dù tiện ích nhưng không phù hợp với tập quán sinh sống, điều kiện kinh tế của người dân bị giải tỏa không đủ khả năng đáp ứng các điều kiện xây dựng, sử dụng đất do chính quyền đặt ra.

- Ngoài các nguyên nhân trên, căn cứ chính sách hiện hành, có trường hợp 01 hộ nhưng đủ điều kiện nhận nhiều suất tái định cư nên chỉ sử dụng 01 suất, còn lại thì chuyển nhượng hoặc có hộ thì có đất ở thuộc địa bàn khác nên cũng không có nhu cầu sử dụng các suất tái định cư do nhà nước giao...

V. Phương án Điều chỉnh Đề án tái định cư

Qua tổng hợp báo cáo các địa phương về tình hình thực hiện Đề án, để tiếp tục thực hiện Đề án giai đoạn năm 2010- 2015 cần thiết phải điều chỉnh cập nhật, bổ sung danh mục các dự án tái định cư cho phù hợp nhu cầu thực tế, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh loại bỏ 31 dự án và 03 dự án² giảm một phần diện tích trong danh mục các dự án theo đề án đã phê duyệt với tổng diện tích đất khoảng 369ha, gồm 14.552 suất (12.974 nền đất và 1.578 căn hộ), tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 4.940,2 tỷ đồng.

STT	Tên địa phương	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Số suất tái định cư dự kiến			Tổng mức đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)
				Tổng số	Lô nền đất	Căn hộ CC	
1	Thành phố Vũng Tàu	7	73,1	4.398	2.820	1.578	1.764,5
2	Thành phố Bà Rịa ³	9	79,0	2.864	2.864	-	973,6
3	Huyện Long Điền	13	186,9	6.678	6.678	-	1.895,10
4	Huyện Châu Đức	1	10,0	150	150	-	102,30
5	Huyện Xuyên Mộc	4	20,0	462	462	-	204,70
	TỔNG CỘNG	34	369,0	14.552	11.974	1.578	4.940,2

(Chi tiết các dự án được đính kèm theo tại phụ lục số 03)

2. Cập nhật, bổ sung danh mục các dự án tái định cư vào Đề án điều chỉnh gồm 25 dự án⁴ với 9.161 suất (2.304 căn hộ, 6.516 nền đất và 341 nhà xây thô) với tổng mức đầu tư khoảng 4.328,3 tỷ đồng và diện tích đất thực hiện dự án khoảng 242,9ha, cụ thể:

- Dự án đã hoàn thành gồm 11 dự án với 3.180 suất (2.921 nền đất và 259 nhà xây thô) tổng giá trị công trình 280,8 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 79,9ha.

- Đang triển khai đầu tư cho 01 dự án với 298 suất nền đất, tổng mức đầu tư khoảng 208,4 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 12,5ha.

- Chuẩn bị đầu tư cho 13 dự án với 5.683 suất (2.304 căn hộ, 82 nhà xây thô và 3.297 nền đất) với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 150,5ha.

² Trong 03 dự án giảm 01 phần diện tích (nằm trong danh mục loại bỏ thực hiện sau 2015) gồm: Khu tái định cư xã Long Phước (10 ha giảm 07 ha; Khu tái định cư phường Kim Dinh (15ha giảm 12ha; Khu tái định cư xã Tân Hưng (10 ha giảm 08ha)

³ Trong 9 dự án đề nghị chuyển sang giai đoạn sau 2015 có 03 dự án đề nghị triển khai giai đoạn 1 gồm: Khu tái định cư xã Long Phước (10 ha xin làm GĐ1 03 ha), Khu tái định cư phường Kim Dinh (5ha xin làm GĐ1 03 ha), Khu tái định cư xã Tân Hưng (10 ha xin làm GĐ1 02ha).

⁴ Trong 25 dự án cập nhật, bổ sung vào Đề án điều chỉnh: **Tp. Vũng Tàu** có 06 DA (01 hoàn thành, 05 chuẩn bị đầu tư (CBĐT)); **Tp. Bà Rịa** có 04 DA (02 hoàn thành, 01 đang triển khai, 01 CBĐT); **Tân Thành** có 04 DA (02 hoàn thành, 02 CBĐT); **Long Điền** có 03 DA (02 hoàn thành, 01 CBĐT); **Châu Đức** có 06 DA (03 hoàn thành, 03 CBĐT); **Xuyên Mộc** có 02 DA (01 hoàn thành, 01 CBĐT)

ST T	Tên địa phương	Tổng số dự án	Quy mô xây dựng					Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
			Diện tích (ha)	Tổng số	Suất tái định cư			
					Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	
I. Đã hoàn thành đưa vào sử dụng								
1	Thành phố Vũng Tàu	1	2,6	199	-	199		26,06
2	Thành phố Bà Rịa	2	26,4	803	-	803		89,33
3	Huyện Tân Thành	2	16,9	695	-	596	99	37,74
4	Huyện Long Điền	2	23,6	914	-	914		53,65
5	Huyện Châu Đức	3	4,61	322	-	162	160	40,28
6	Huyện Xuyên Mộc	1	5,9	247	-	247		33,71
cộng		11	79,9	3.180	-	2.921	259	280,8
II. Danh mục đang triển khai								
1	Thành phố Bà Rịa	1	12,5	298	-	298	-	208,4
cộng		1	12,5	298	-	298	-	208,4
III. Danh mục chuẩn bị đầu tư								
1	Thành phố Vũng Tàu	5	10,1	2.904	2.304	600	-	2.684,0
2	Thành phố Bà Rịa	1	2,7	82	-	-	82	205,6
3	Huyện Tân Thành	2	112,6	1.786	-	1.786	-	660,0
4	Huyện Long Điền	1	5,4	445	-	445	-	175,4
5	Huyện Châu Đức	3	9,8	196	-	196	-	44,2
6	Huyện Xuyên Mộc	1	10,0	270	-	270	-	70,0
cộng		13	150,5	5.683	2.304	3.297	82	3.839,2
Cộng chung		25	242,9	9.161	2.304	6.516	341	4.328,3

(Chi tiết các dự án được đính kèm theo tại phụ lục số 04)

3. Giữ nguyên danh mục các dự án tái định cư theo đề án đã phê duyệt gồm 34 dự án⁵ với 16.962 suất (1.607 căn hộ, 15.104 nền đất và 251 nhà xây thô) với tổng giá trị công trình 4.395,6 tỷ đồng, diện tích đất thực hiện dự án khoảng 473,1ha, cụ thể:

- Dự án đã hoàn thành gồm 14 dự án với 5.826 suất (5.575 nền đất và 251 nhà xây thô) tổng giá trị công trình 998,8 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 198,9ha.

⁵ Trong 34 dự án giữ nguyên theo đề án: **Tp. Vũng Tàu** có 06 DA (01 hoàn thành, 02 đang triển khai, 03 chuẩn bị đầu tư (CBĐT); **Tp. Bà Rịa** có 12 DA (07 hoàn thành, 05 CBĐT); **Tân Thành** có 06 DA (03 hoàn thành, 02 đang triển khai, 01 CBĐT); **Long Điền** có 02 DA (01 hoàn thành, 01 CBĐT); **Đất Đỏ** có 05 DA (01 hoàn thành, 03 đang triển khai, 01 CBĐT); **Châu Đức** có 01 DA đang triển khai; **Xuyên Mộc** có 01 DA CBĐT; **Côn Đảo** có 01 DA chuẩn bị đầu tư

- Triển khai đầu tư cho 07 dự án với 4.844 suất (300 căn hộ và 4.544 nền đất) tổng mức đầu tư khoảng 1.437,3 tỷ đồng, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 143,9ha.

- Chuẩn bị đầu tư cho 13 dự án (03 dự án đã bố trí vốn) với 6.292 suất (1.307 căn hộ và 4.985 nền đất) với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 130,3ha.

ST T	Tên địa phương	Tổng số dự án	Quy mô xây dựng					Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
			Tổng Diện tích (ha)	Suất tái định cư				
				Tổng số	Trong đó			
					Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	
I. Đã hoàn thành đưa vào sử dụng								
1	Thành phố Vũng Tàu	2	21,1	510	-	510	-	265,2
2	Thành phố Bà Rịa	7	67,1	1.669	-	1.418	251	399,13
3	Huyện Tân Thành	3	95,5	2.928	-	2.928		245,65
4	Huyện Long Điền	1	1,7	55	-	55	-	17,40
5	Huyện Đất Đỏ	1	13,5	664	-	664	-	71,40
cộng		14	198,9	5.826	-	5.575	251	747,8
II. Danh mục đang triển khai								
1	Thành phố Vũng Tàu	1	24,8	963	-	963		595,7
2	Huyện Tân Thành	2	30,9	955	-	955	-	255,28
3	Huyện Đất Đỏ	3	46,5	1.781	-	1.781	-	420,00
4	Huyện Châu Đức	1	41,7	1.345	300	1.045	-	166,3
cộng		7	143,9	4.844	300	4.544	-	1.437,3
III. Danh mục chuẩn bị đầu tư								
1	Thành phố Vũng Tàu	3	62,5	3.720	1.004	2.716	-	1.057,4
2	Thành phố Bà Rịa	5	16,7	653	183	470		320,0
3	Huyện Tân Thành	1	12,7	449	120	329		143,63
4	Huyện Long Điền	1	20,0	800	-	800	-	204,5
5	Huyện Đất Đỏ	1	4,0	260	-	260	-	5,0
6	Huyện Xuyên Mộc	1	13,0	270		270		200,00
7	Huyện Côn Đảo	1	1,4	140	-	140	-	29,00
cộng		13	130,3	6.292	1.307	4.985	-	1.959,5
Cộng chung		34	473,1	16.962	1.607	15.104	251	4.497,6

* Như vậy, Đề án sau khi điều chỉnh gồm 59 dự án (trong đó: 25 đã hoàn thành, 08 đang triển khai, 06 đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và 20 dự án đề nghị bố trí kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư) với tổng suất tái định cư khoảng 26.123 suất (3.911 căn hộ, 21.620 nền đất, 592 nhà xây thô) có tổng diện tích đất thực hiện dự án khoảng 716,0ha và tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 8.724 tỷ đồng.

4. Nhu cầu vốn để thực hiện điều chỉnh Đề án

- Đối với dự án đang triển khai, ngân sách tỉnh tiếp tục đầu tư 05 dự án với 3.361 suất, có tổng mức đầu tư khoảng 1.225,7 tỷ đồng, đã bố trí vốn được khoảng 590,4 tỷ đồng, dự kiến sẽ cân đối phân bổ kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện hoàn thành cho các dự án này.

- Đối với danh mục 06 dự án đã có chủ trương và đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư với 2.850 suất có tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1.538,3 tỷ đồng, hiện đã bố trí chuẩn bị đầu tư được khoảng 38,7 tỷ đồng. Căn cứ vào nhu cầu tái định cư thực tế của địa phương trong giai đoạn sắp tới, Sở Kế hoạch - Đầu tư phối hợp các đơn vị liên quan xem xét quy mô và sự cần thiết đầu tư của từng dự án làm cơ sở đề xuất UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn khởi công mới giai đoạn 2016-2020.

- Đối với danh mục 20 dự án (chưa bố trí vốn chuẩn bị đầu tư) với 9.125 suất, Sở Kế hoạch - Đầu tư phối hợp các đơn vị liên quan xem xét quy mô, nhu cầu tái định cư thực tế của địa phương và sự cần thiết đầu tư của từng dự án; đồng thời, căn cứ theo quy định Luật Đầu tư công để làm cơ sở đề xuất UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

S T T	Tên địa phương	Tổng g số dự án	Tổng diện tích (ha)	Tổng số suất TĐC	Quy mô xây dựng			Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Lũy kế đã bố trí vốn đến 2014 (tỷ đồng)	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Ghi chú
					Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô				
I. Dự án đang triển khai											
A. Ngân sách tỉnh											
1	Thành phố Vũng Tàu	1	24,80	763		763		595,7	235,7	360,0	
2	Thành phố Bà Rịa	1	12,46	298	-	298		208,4	160,2	48,3	
3	Huyện Tân Thành	2	30,9	955	-	955		255,3	106,3	148,9	
4	Huyện Châu Đức	1	41,7	1.345	300	1.045		166,3	88,2	78,1	
Cộng			109,9	3.361	300	3.061	-	1.226	590	635,3	
B. Ngân sách huyện											
1	Huyện Đất Đỏ	3	46,5	1.781	0	1.781		420,0	23,2	396,8	
Cộng		3	46,5	1.781	0	1.781	0	420	23,2	396,8	
II. Dự án chuẩn bị đầu tư (đã có chủ trương và đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)											
1	Thành phố Vũng Tàu	2	10,6	1.604	1.004	600	-	852,4	0,55	851,9	Trong 06 dự án có 03 dự án cập nhật vào đề án
2	Thành phố Bà Rịa	1	2,7	82	-	-	82	205,6	38,0	167,6	
3	Huyện Tân Thành	1	12,7	449	120	329	-	143,6	0,05	143,6	
4	Huyện Long Điền	1	5,4	445	-	445	-	175,4	0,05	175,3	
5	Huyện Xuyên Mộc	1	13,0	270	-	270	-	200,0	0,05	199,95	
Cộng		6	44,4	2.850	1.124	1.644	82	1.577,0	38,7	1.538,3	
III. Dự án dự kiến chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn từ 2016-2020											

1	Thành phố Vũng Tàu	6	61,9	5.020	2.304	2.716	-	2.889,0			Trong 20 dự án có 10 dự án cập nhật vào đề án
2	Thành phố Bà Rịa	5	16,7	653	183	470		320,0			
3	Huyện Tân Thành	2	112,6	1.786		1.786		660,0			
4	Huyện Long Điền	1	20,0	800		800		204,5			
5	Huyện Đất Đỏ	1	4,0	260		260		5,0			
6	Huyện Châu Đức	3	9,8	196		196		44,2			
7	Huyện Xuyên Mộc	1	10,0	270		270		70,0			
8	Huyện Côn Đảo	1	1,4	140		140		29,0			
cộng		20	236,4	9.125	2.487	6.638		4.221,7			

5. Bảng tổng hợp danh mục Đề án tái định cư sau khi điều chỉnh:

ST T	Tên địa phương	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Tổng số suất TĐC	Số suất tái định cư			Tổng mức đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)
					Căn hộ CC	Lô nền đất	Nhà xây thô	
A. ĐIỀU CHỈNH LOẠI BỎ HOẶC ĐỂ THỰC HIỆN SAU NĂM 2015								
1	Thành phố Vũng Tàu	7	73,1	4.398	1.578	2.820		1.764,5
2	Thành phố Bà Rịa	9	79,0	2.864	-	2,864		973,6
3	Huyện Long Điền	13	186,9	6.678	-	6,678		1.895,1
4	Huyện Châu Đức	1	10,0	150	-	150		102,3
5	Huyện Xuyên Mộc	4	20,0	462	-	462		204,7
Cộng chung		34	369,0	14.552	1.578	12.974	-	4.940,2
B. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH								
* GIỮ NGUYÊN DANH MỤC THEO ĐỀ ÁN								
I. Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng								
1	Thành phố Vũng Tàu	2	21,1	510	-	510	-	265,2
2	Thành phố Bà Rịa	7	67,1	1.669		1.418	251	399,1
3	Huyện Tân Thành	3	95,5	2.928		2.928		245,7
4	Huyện Long Điền	1	1,7	55		55	-	17,4
5	Huyện Đất Đỏ	1	13,5	664		664	-	71,4
cộng		14	198,9	5.826		5.575	251	998,8
II. Dự án đang triển khai								
1	Thành phố Vũng Tàu	1	24,8	763		763		595,7
2	Huyện Tân Thành	2	30,9	955		955	-	255,3
3	Huyện Đất Đỏ	3	46.5	1.781		1.781	-	420,0
4	Huyện Châu Đức	1	41,7	1.345	300	1.045	-	166,3
cộng		7	143,9	4.844	300	4.544	-	1.437,3
III. Dự án chuẩn bị đầu tư (đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)								
1	Thành phố Vũng Tàu	1	10,0	1.100	500	600	-	348,4
2	Huyện Tân Thành	1	12,7	449	120	329		143,6

3	Huyện Xuyên Mộc	1	13,0	270	-	270		200,0
cộng		3	35,7	1.819	620	1.199	-	692,0
IV. Dự án dự kiến chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn từ 2016-2020								
1	Thành phố Vũng Tàu	2	52,5	2.620	504	2.116	-	709,0
2	Thành phố Bà Rịa	5	16,7	653	183	470	-	320,0
3	Huyện Long Điền	1	20,0	800	-	800	-	204,5
4	Huyện Đất Đỏ	1	4,0	260	-	260	-	5,0
5	Huyện Côn Đảo	1	1,4	140	-	140	-	29,0
cộng		10	94,6	4.473	687	3.786	-	1.267,5
Cộng (I+II+III+IV)		34	473,1	16.962	1.607	15.104	251	4.395,6
* CẬP NHẬT, BỔ SUNG VÀO ĐỀ ÁN								
I. Dự án đã hoàn thành								
1	Thành phố Vũng Tàu	1	2,6	199		199	-	26,1
2	Thành phố Bà Rịa	2	26,4	803		803	-	89,3
3	Huyện Tân Thành	2	16,9	695		596	99	37,7
4	Huyện Long Điền	2	23,6	914		914	-	53,7
5	Huyện Châu Đức	3	4,6	322		162	160	40,3
6	Huyện Xuyên Mộc	1	5,9	247		247	-	33,7
cộng		11	79,9	3.180	-	2.921	259	280,8
II. Dự án đang triển khai								
1	Thành phố Bà Rịa	1	12,5	298		298	-	208,4
cộng		1	12,5	298		298	-	208,4
III. Dự án chuẩn bị đầu tư (đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)								
1	Thành phố Vũng Tàu	1	0,6	504	504	-	-	504,0
2	Thành phố Bà Rịa	1	2,7	82	-	-	82	205,6
3	Huyện Long Điền	1	5,4	445	-	445	-	175,4
cộng		3	8,7	1.031	504	445	82	885,0
IV. Dự án dự kiến chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn từ 2016-2020								
1	Thành phố Vũng Tàu	4	9,5	2.400	1.800	600	-	2.180,0
3	Huyện Tân Thành	2	112,6	1.786	-	1.786	-	660,0
4	Huyện Châu Đức	3	9,8	196	-	196	-	44,2
5	Huyện Xuyên Mộc	1	10,0	270	-	270	-	70,0
cộng		10	141,88	4.652	1.800	2.852	-	2.954,2
Cộng (I+II+III+IV)		25	242,9	9.161	2.304	6.516	341	4.328,3
Cộng phương án điều chỉnh		59	716,0	26.123	3.911	21.620	592	8.724,0

6. Các giải pháp thực hiện:

a) Về định hướng triển khai các dự án tái định cư tại các địa phương:

- *Thành phố Vũng Tàu:* Là khu vực đô thị trọng điểm của tỉnh, với nhiều dự án phát triển có nhu cầu bố trí tái định cư nên ưu tiên định hướng quy hoạch khu vực Trung tâm Nam sân bay và Bắc sân bay loại hình nhà ở chung cư để thực hiện tái định cư cho khu vực này; thời gian qua tỉnh đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho thành phố nhiều dự án tái định cư với quy mô tương đối lớn tại khu vực phường 9, 10, 11,...nhưng do nhiều khó khăn đến nay vẫn chưa thể tiến hành được. Vì vậy, sau khi đề án được phê duyệt điều chỉnh, UBND thành phố Vũng Tàu cần khẩn trương nghiên cứu, đề xuất, phối hợp với các ngành liên quan trong việc triển khai các dự án tái định cư tại các địa điểm đã được ghi vốn chuẩn bị đầu tư để đảm bảo tiến độ yêu cầu. Trước mắt trong giai đoạn năm 2014-2015 phải tập trung giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng một số khu tái định cư tập trung theo hai hình thức một là phân lô giao nền đất tái định cư và một phần xây dựng chung cư cao tầng theo tỷ lệ cân cân nhắc cho phù hợp tại một số dự án tái định cư hoặc khu đất có tính khả thi thực hiện dự án tái định cư, có kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng thấp, diện tích đất sạch phù hợp, khả năng thu hồi vốn của dự án cao, vị trí phù hợp quy hoạch, tại các khu vực phường 9, 10, 11, 12, xã Long Sơn.

- *Các địa phương khác:* Có đất tái định cư tương đối lớn, cơ bản đủ đáp ứng được nhu cầu tái định cư trong giai đoạn 2014 - 2015, nên đề xuất tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư sau đó bố trí giao nền đất ở cho người dân tự tổ chức xây dựng nhà theo quy hoạch chi tiết, trừ các khu vực dọc theo trục đường chính để đảm bảo mỹ quan đô thị thì cần có quy định cụ thể trong việc đầu tư xây dựng nhà tái định cư của người dân.

Thực tế tại một số địa phương thời gian qua, tỷ lệ số người dân bị thu hồi đất đồng ý nhận tiền để tự lo chỗ ở mới trên tổng số người dân nhận nhà đất tái định cư đạt khá cao (như tại huyện Châu Đức đạt khoảng 50%). Do vậy, với việc một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ tái định cư mới được ban hành, các huyện cần quan tâm đẩy mạnh vận động, khuyến khích người dân nhận suất tái định cư bằng tiền để giảm bớt áp lực về bố trí nhà đất tái định cư.

b) Giải pháp thực hiện:

- Tập trung bố trí vốn ngân sách để tiếp tục triển khai các dự án tái định cư theo danh mục đã được bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và danh mục dự án tái định cư dự kiến triển khai trong năm 2014-2015; thực hiện thu hồi, quay vòng vốn để đầu tư cho các năm tiếp theo; UBND các huyện, thành phố có kế hoạch chủ động trong công tác giải phóng mặt bằng, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án tái định cư trên địa bàn, kịp thời xử lý những khó khăn vướng mắc hoặc báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu tái định cư trên địa bàn quản lý.

- Việc đầu tư xây dựng các khu tái định cư phải gắn liền với việc chỉnh trang đô thị, địa điểm xây dựng các khu tái định cư phải phù hợp với quy hoạch khu dân cư được phê duyệt, do đó cần xem xét, rà soát lại địa điểm đã bố trí các khu tái định cư, tránh tình trạng trong phạm vi một phường, xã, thị trấn có nhiều khu tái định cư nhỏ, lẻ, vừa tốn kém vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật vừa không tạo nên mỹ

quan đô thị. Các dự án khu tái định cư cần được tính toán cụ thể để có đủ các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như: nhà ở, đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, đảm bảo nguyên tắc “người dân đến chỗ ở mới bằng hoặc tốt hơn chỗ ở cũ”; phải quy định việc xây dựng nhà tái định cư trên từng tuyến đường theo quy hoạch để đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Ưu tiên xây dựng các khu tái định cư phục vụ cho việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội mà Nhà nước phải làm. Các nhà đầu tư có trách nhiệm đáp ứng các khu tái định cư phục vụ cho việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đối với chính dự án của nhà đầu tư đó; khi tiếp nhận và cấp giấy chứng nhận đầu tư phải xác định rõ việc này với nhà đầu tư.

VI. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm: Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực nhà ở tái định cư trên phạm vi địa bàn tỉnh; thường xuyên phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các ngành liên quan để cập nhật, bổ sung những vấn đề phát sinh về thay đổi, điều chỉnh quy mô, địa điểm dự án tái định cư cụ thể để báo cáo và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định; đồng thời phối hợp các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố để tham mưu, đề xuất trong việc lập, phê duyệt quy hoạch các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trong toàn tỉnh kết hợp với việc chỉnh trang đô thị.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Chủ trì tổng hợp đề xuất UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn hàng năm đảm bảo hoàn thành thực hiện Đề án sau khi được rà soát, điều chỉnh; thông báo cho các nhà đầu tư trước khi tiếp nhận và cấp giấy chứng nhận đầu tư phải có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện, thành phố đáp ứng các khu tái định cư phục vụ cho việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đối với chính dự án của nhà đầu tư.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu, đề xuất trình UBND tỉnh các chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở ngành liên quan, UBND các địa phương trong việc lập kế hoạch sử dụng đất phục vụ tái định cư; sớm xây dựng quy trình khảo sát và định giá đất; Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành của nhà nước về chính sách hỗ trợ khi thực hiện tái định cư; Hướng dẫn cụ thể các địa phương việc áp dụng Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh về chính sách tái định cư bằng tiền nhằm tháo gỡ vướng mắc giữa các địa phương để áp dụng chính sách một cách đồng bộ giảm bớt áp lực tái định cư bằng nền đất như hiện nay.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan và địa phương sớm nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy chế thu hồi vốn, quay vòng vốn đầu tư các dự án tái định cư trình UBND tỉnh phê duyệt.

5. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm:

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch đầu tư các dự án tái định cư theo đề án sau khi được rà soát, điều chỉnh đảm bảo tiến độ đã đăng ký thực hiện tại địa phương;

- Chủ động, phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc có liên quan đến tình hình thực hiện dự án; tổ chức vận động người dân nhận suất tái định cư bằng tiền hoặc nhận suất tái định tại các dự án nhà ở xã hội đối với các địa phương có quỹ nhà ở xã hội thay cho nhận nền đất tái định cư, góp phần giảm bớt áp lực về quỹ nhà tái định cư;

- Chịu trách nhiệm về việc quy hoạch đất dành cho phát triển nhà đất tái định cư; tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm liên quan đến việc phát triển nhà ở tái định cư, mua bán, cho thuê và quản lý sử dụng nhà ở tái định cư trên địa bàn;

- Tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ hàng năm và định hướng những năm tiếp theo, báo cáo Sở Xây dựng; trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án tái định cư do UBND tỉnh giao./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *mahe*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Thới

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ GIAI ĐOẠN NĂM 2010 ÷ 2015 THEO ĐỀ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT

Phụ lục số 01

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô (ha)	Số suất tái định cư dự kiến				Năm xây dựng hoàn thành dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Tổng số	Lô nền đất	Nhà xây thô	Căn hộ CC			
Thành phố Vũng Tàu										
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư 4,1 ha phường 10	phường 10	4,1	260	260	0	0	2009-2010	18	Ngân sách
2	Dự án khu tái định cư 10 ha trong khu tái định cư 58 ha phường 10	phường 10	10	1100	600	0	500	2011-2012	348,4	Ngân sách
3	Dự án khu tái định cư Chí Linh, TP Vũng Tàu (khu tái định cư 58 ha)	phường 10	40	1690	800	0	890	2011-2015	942,9	Ngân sách
4	Dự án khu tái định cư phường 12	phường 12	11,5	600	600	0	0	2011	167,2	Ngân sách
5	Dự án khu tái định cư phía Tây Bắc đường AIII	Giáp đường hiện hữu Nguyễn Gia Thiều	24,8	763	184	329	250	2011-2012	595,7	Ngân sách
6	Dự án khu tái định cư 51 ha, thôn 2, xã long Sơn	Thôn 2, xã long Sơn	51	2000	2000	0	0	2010-2012	741,5	Ngân sách
7	Khu đất trại gà Phước Cơ	phường 12	3,6	200	200	0	0	2012-2013	52,3	Ngân sách
8	Khu đất cạnh nhà thi đấu đa năng	Góc đường Nguyễn An Ninh và đường 3-2	2	120	120	0	0	2010-2012	29,1	Ngân sách
9	Khu đất nông nghiệp Phước Cơ	Nằm dọc theo đường 30-4	10	888	600	0	288	2012-2013	262,3	Ngân sách
10	Khu đất đường Lưu Chí Hiếu, phường 10	Giới hạn từ đường Lưu Chí Hiếu đến hẻm 54 Hàn Thuyên, từ đường Bình Giả mới đến đường A2	6	500	300	0	200	2010-2011	168,4	Ngân sách
11	Khu đất tại 51B giáp D57	Giáp trận địa tên lửa D57, trong khu đất có khu dự án đơn vị 319 khoảng 0,6 ha	4,2	400	200	0	200	2010-2011	142,3	Ngân sách
12	Khu đất dọc đường Đô Lương phường 11+12	Từ khu nhà ở của Lữ đoàn 171 đến đường A3	6	600	300	0	300	2010-2011	209	Ngân sách
	cộng:		169	9.121	6.164	329	2.628		3677,1	
Thành phố Bà Rịa										
1	Khu tái định cư Long Toàn		10	300	300	0	0	2011-2014	119	Ngân sách
2	Khu tái định cư Hòa Long		18	724	724	0	0	2011-2014	214,1	Ngân sách
3	Khu tái định cư xã Long Phước		10	300	300	0	0	2011-2014	119	Ngân sách

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ GIAI ĐOẠN NĂM 2010 ÷ 2015 THEO ĐỀ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT

Phụ lục số 01

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô (ha)	Số suất tái định cư dự kiến				Năm xây dựng hoàn thành dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Tổng số	Lô nền đất	Nhà xây thô	Căn hộ CC			
4	Khu tái định cư phường Kim Dinh		15	550	550	0	0	2011-2014	178,4	Ngân sách
5	Khu tái định cư Long Hương		8	310	310	0	0	2011-2014	95,2	Ngân sách
6	Khu tái định cư Bắc Hương lộ 10 (10,56 ha)		11	430	430	0	0	2011-2014	80,6	Ngân sách
7	Khu tái định cư Vạn Kiếp (7ha)		7	350	350	0	0	2011-2014	83,3	Ngân sách
8	Khu tái định cư xã Tân Hưng		10	300	300	0	0	2011-2014	119	Ngân sách
9	Khu nhà ở TĐC H20 (lô C, E, F, G) p. Phước Hưng		1,5	150	0	0	150	2010-2011	41,5	Ngân sách
10	Khu nhà ở liên kế các lô I, K thuộc khu TĐC H20		0,6	60	0	0	60	2010-2011	48,5	
11	Khu nhà ở liên kế các lô M thuộc khu TĐC H20		0,5	41	0	0	41	2010-2011	38,3	
12	Khu tái định cư Đông Quốc lộ 56		22	850	850	0	0	2010-2012	18,7	Ngân sách
13	Khu tái định cư tại chỗ công viên 30/4 thị xã Bà Rịa		1	100	100	0	0	2010-2012	100	Ngân sách
14	Mở rộng khu tái định cư Bắc QL 55		8	200	200	0	0	2011-2012	40	Ngân sách
15	Khu chung cư TĐC H20 14 tầng		1,4	185	0	0	185	2010	90	Ngân sách
	cộng:		124	4.850	4.414	-	436		1.385,6	
Huyện Tân Thành										
1	Khu tái định cư 26,54 ha tại xã Mỹ Xuân	xã Mỹ Xuân	26,54	1051	751	0	300	2010-2011	120,4	Ngân sách
2	Khu tái định cư 25 ha tại thôn Vạn Hạnh, thị trấn Phú Mỹ	TT. Phú Mỹ	25	502	502	0	0	2009-2010	120,1	Ngân sách
3	Khu tái định cư 44 ha tại thôn Tân Phú, thị trấn Phú Mỹ	TT Phú Mỹ	44	250	250	0	0	2010	76,9	Ngân sách
4	Khu tái định cư tại xã Hắc Dịch	xã Hắc Dịch	15,6	493	493	0	0	2010-2011	97,8	Ngân sách
5	Khu tái định cư tại xã Tân Phước	xã Tân Phước	11,9	532	532	0	0	2010-2015	141,6	Ngân sách
6	Khu tái định cư tại xã Tân Hải	xã Tân Hải	11	450	450	0	0	2010-2015	130,8	Ngân sách
	cộng:		134	3.278	2.978	-	300		687,6	

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ GIAI ĐOẠN NĂM 2010 ÷ 2015 THEO ĐỀ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT

Phụ lục số 01

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô (ha)	Số suất tái định cư dự kiến				Năm xây dựng hoàn thành dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Tổng số	Lô nền đất	Nhà xây thô	Căn hộ CC			
Huyện Long Điền										
1	Khu tái định cư số 2 Long Hải	Long Hải	5,6	168	168	0	0	2011-2012	57,3	Ngân sách
2	Khu tái định cư số 3 Long Hải	Long Hải	19	690	690	0	0	2010	194,3	Ngân sách
3	Khu tái định cư số 4 Long Hải	Long Hải	20	800	800	0	0	2015	204,5	Ngân sách
4	Khu tái định cư số 5 Long Hải	Long Hải	16,5	500	500	0	0	2011-2012	168,7	Ngân sách
5	Khu tái định cư số 6 Long Hải	Long Hải	10	300	300	0	0	2015	102,3	Ngân sách
6	Khu tái định cư số 3 Long Điền	Long Điền	18,46	700	700	0	0	2012	188,8	Ngân sách
7	Khu tái định cư số 6 Long Điền	Long Điền	1,7	51	51	0	0	2015	17,4	Ngân sách
8	Khu tái định cư số 1 Phước Hưng	Phước Hưng	22	850	850	0	0	2010-2011	217,1	Ngân sách
9	Khu tái định cư số 2 Phước Hưng	Phước Hưng	20	600	600	0	0	2013-2014	204,5	Ngân sách
10	Khu tái định cư số 3 Phước Hưng	Phước Hưng	26	990	990	0	0	2013-2014	258	Ngân sách
11	Khu tái định cư số 4 Phước Hưng	Phước Hưng	15	450	450	0	0	2015	153,4	Ngân sách
12	Khu tái định cư số 1 An Ngãi	An Ngãi	20	840	840	0	0	2015	204,5	Ngân sách
13	Khu tái định cư chợ Bến An Ngãi	An Ngãi	5	150	150	0	0	2011-2012	51,1	Ngân sách
14	Khu tái định cư số 1 Tam Phước	Tam Phước	5	150	150	0	0	2015	51,1	Ngân sách
15	Khu tái định cư xã Phước Tỉnh	Phước Tỉnh	4,3	290	290	0	0	2010-2011	44	Ngân sách
	cộng:		209	7.529	7.529	0	0		2.073,0	
Huyện Đất Đỏ										
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Bàu Bèo (khu vực Cống Dầu)	TT. Đất Đỏ	13,5	664	664	0	0	2010	52,5	Ngân sách
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hải Tân (khu dân cư thu nhập thấp xã Phước Hải)	Thị trấn Phước Hải	21	740	740	0	0	2010-2012	170	Ngân sách
3	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Kim Liên	Xã Phước Hội	17,5	445	445	0	0	2011-2012	150	Ngân sách
4	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đại Thành	TT. Phước Hải	9,5	662	662	0	0	2012-2013	100	Ngân sách
5	Khu dân cư An Hải	xã Lộc An	10	650	650	0	0	2012-2013	110	Ngân sách
	cộng:		71,5	3.161	3.161	-	-		582,5	

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ GIAI ĐOẠN NĂM 2010 ÷ 2015 THEO ĐỀ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT

Phụ lục số 01

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô (ha)	Số suất tái định cư dự kiến				Năm xây dựng hoàn thành dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Tổng số	Lô nền đất	Nhà xây thô	Căn hộ CC			
Huyện Châu Đức										
1	Khu tái định cư phục vụ KCN - Đô thị Châu Đức	xã Suối Nghệ	44,3	1039	1039	0	0	2010-2013	125,9	Ngân sách
2	Khu tái định cư phục vụ 6 cụm CN-TTCN tập trung tại xã Đá Bạc	xã Đá Bạc	10,0	150	150	0	0	2010-2011	102,3	Ngân sách
	cộng:		54,3	1.189	1.189	-	-		228,2	
Huyện Xuyên Mộc										
1	Khu tái định cư Bàu Bàng, xã Bình châu	xã Bình châu	13	270	270	0	0	2010	132,9	Ngân sách
2	Khu tái định cư Phước Thuận, xã Phước Thuận	xã Phước Thuận	2	52	52	0	0	2011	20,5	Ngân sách
3	Khu tái định cư ấp khu I, xã Bình Châu	xã Bình Châu	10	150	150	0	0	2012	102,3	Ngân sách
4	Khu tái định cư Láng Sim I, thị trấn Phước Bửu	thị trấn Phước Bửu	2	100	100	0	0	2010-2011	20,5	Ngân sách
5	Khu tái định cư Láng Sim II, thị trấn Phước Bửu	thị trấn Phước Bửu	6	160	160	0	0	2013-2015	61,4	Ngân sách
	cộng:		33,0	732	732				337,6	
Huyện Côn Đảo										
	Trên địa bàn huyện chưa có dự án về nhà ở tái định cư cho người dân có nhà ở, đất ở bị thu hồi. Huyện chỉ đền bù và cấp đất tái định cư cho các hộ dân có đất bị thu hồi để họ tự tiến hành xây dựng nhà ở để tái định cư.		1,4	140	140	0	0	2010-2015	28,6	
	cộng:		1,4	140	140	-	-	-	28,6	Ngân sách
	Tổng cộng:		795,8	30.000	26.307	329	3.364	-	9.000	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục số 02

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng										Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú	
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư												
				Xây dựng				Đã bàn giao			Chưa bàn giao					
				Tổng số	Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất	Tổng số	Nhà xây thô				Lô nền đất
A. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG																
I. Thành phố Vũng Tàu																
I.1 Theo Đề án																
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư 4,1 ha phường 10	phường 10	4,1	260	0	260		229	0	229	31	0	31	14,24		
2	HTKT Khu tái định cư Long Sơn (Giai đoạn 1 thực hiện 17 ha trong 60 ha)	Long Sơn	17,0	250	0	250					250		250	251		Vốn ứng trước tiền sử dụng đất các dự án của Cty CP đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn
I.2 Ngoài đề án																
1	Khu nhà ở tạm cư 199 lô tại phường 10	phường 11	2,6	199	0	199		173	0	173	26	0	26	26,06		Mua lại của doanh nghiệp (Ngoài đề án)
	cộng:		23,7	709	-	709		402	-	402	307	-	307	291,30		
II. Thành phố Bà Rịa																
II.1 Theo Đề án																
1	Khu nhà ở TĐC H20 (lô C, E, F, G) p. Phước Hưng		3,05	150	0	0	150	123	123	0	27	27	0	41,52		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT
2	Khu nhà ở liên kế các lô I, K thuộc khu TĐC H20		6,8	60	0		60	38	38	0	22	22	0	48,54		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT
3	Khu nhà ở liên kế các lô M thuộc khu TĐC H20		4,5	41	0		41	21	21		20	20	0	36,30		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục số 02

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng											Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú		
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư														
				Xây dựng						Đã bàn giao			Chưa bàn giao					
				Tổng số	Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất					
4	Khu tái định cư Đông Quốc lộ 56		23	233	0	233		228	0	228	5	0	5	28,21		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT		
5	Khu tái định cư Bắc Hương lộ 10 (10,56 ha)		10,56	392		392		159	-	159	233	-	233	80,57		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT		
6	Khu tái định cư tại chỗ công viên 30/4 thị xã Bà Rịa		10	486	-	486		177	-	177	309	-	309	130,95		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT		
7	Mở rộng khu tái định cư Bắc QL 55		8,8	307	0	307		307	0	307	0	0	0	33,05				
II.2 Ngoài đề án																		
1	HTKT Khu tái định Gò Cát 6		18,0	560	0	560		548	0	548	12	0	12	61,23		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT		
2	HTKT Khu tái định Gò Cát (diện tích còn lại)		8,4	243	0	243		201	0	201	42	0	42	28,10		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT		
	cộng:		93,4	2.472	-	2.221	251	1.802	182	1.620	670	69	601	488,47				
III. Huyện Tân Thành																		
III.1 Theo Đề án																		
1	Khu tái định cư 26,54 ha tại xã Mỹ Xuân	xã Mỹ Xuân	26,5	823	0	823		799	0	799	24	0	24	120,37		có 17 lô vướng trạm điện		
2	Khu tái định cư 25 ha tại thôn Vạn Hạnh, thị trấn Phú Mỹ	TT. Phú Mỹ	25,0	866		866		590	0	590	276	0	276	18,85				

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục số 02

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng										Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú			
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư														
				Xây dựng				Đã bàn giao			Chưa bàn giao							
				Tổng số	Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất	Tổng số	Nhà xây thô				Lô nền đất		
3	Khu tái định cư 44 ha tại thôn Tân Phú, thị trấn Phú Mỹ	TT Phú Mỹ	44,0	1.239	0	1.239		1.189	0	1189	50	0	50	106,43		có 34 lô chưa chưa có đường nên không bố trí		
III.2 Ngoài đề án																		
1	HTKT Khu tái định cư 02ha Mỹ Xuân	xã Mỹ Xuân	1,9	92	0	92		-	0	0	92	0	92	4,99				
2	Khu TĐC 15 ha thôn Vạn Hạnh thị trấn Phú Mỹ	TT. Phú Mỹ	15,0	603	0	504	99	597	98	499	6	1	5	32,75				
	cộng:		112,4	3.623	-	3.524	99	3.175	98	3.077	448	1	447	283,39		-		
IV. Huyện Long Điền																		
IV.1 Theo Đề án																		
1	Khu tái định cư số 6 Long Điền	Long Điền	1,7	55	0	55		55	0	55	0	0	0	17,40				
IV.2 Ngoài đề án																		
1	Đường vào HTKT khu TĐC xã Phước Tỉnh	xã Phước Tỉnh	3,56	267	0	267		166	0	166	101	0	101	12,95		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT		
2	HTKT khu TĐC thị trấn Long Hải	TT. Long hải	20,0	647	0	647		355	0	355	292	0	292	40,70		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT		
	cộng:		25,3	969	-	969		576	-	576	393	-	393	71,05				
V. Huyện Đất Đỏ																		
V.1 Theo Đề án																		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Bàu Bèo (khu vực Cống Dầu)	TT. Đất Đỏ	13,5	664	0	664		105	0	105	559	0	559	71,40				
	cộng:		13,5	664	-	664		105	-	105	559	-	559	71,40		-		
VI. Huyện Châu Đức																		
VI.1 Các dự án theo Đề án																		
VI.2 Ngoài đề án																		

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục số 02

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng											Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú		
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư														
				Xây dựng				Đã bàn giao			Chưa bàn giao							
				Tổng số	Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất					
1	Khu tái định cư lô A-B-C-D 160 căn nhà liên kế tại xã Ngãi Giao	xã Ngãi Giao	2,37	160	0	0	160	78	78		82	82	0	37,98		Nằm ngoài đề án (số 82 căn đang làm thủ tục đấu giá)		
2	Khu TĐC giao đất ở mới 26 lô thị trấn Ngãi Giao	TT. Ngãi Giao	0,24	26	0	26		23	0	23	3	0	3	2,30		Nằm ngoài đề án ngân sách huyện		
3	Khu TĐC giao đất ở mới tại thị trấn Ngãi Giao	TT. Ngãi Giao	2,0	136	0	136		55	0	55	81	0	81			Nằm ngoài đề án ngân sách huyện		
cộng:			4,61	322	-	162	160	156	78	78	166	82	84	40,28		-		
VII. Huyện Xuyên Mộc																		
VII.2 Ngoài đề án																		
1	HTKT Khu tái định cư huyện Xuyên Mộc (Khu bệnh viện cũ)		5,9	247	0	247		129	0	129	118	0	188	33,71				
cộng:			5,9	247	-	247		129	-	129	118	-	188	33,71		-		
Cộng theo Đề án gồm 14 DA			198,9	5.826	-	5.575	251	4.020	182	3.838	1.806	69	1.737	998,8				
Cộng ngoài đề án 11 DA			79,9	3.180	-	2.921	259	2.325	176	2.149	855	83	842	280,8				
Cộng chung 25 DA			278,8	9.006	-	8.496	510	6.345	358	5.987	2.661	152	2.579	1.279,59				
B. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI																		
I. Thành phố Vũng Tàu																		
I.1 Theo Đề án																		
1	Dự án khu tái định cư phía Tây Bắc đường AIII	Giáp đường Nguyễn Gia Thiều	24,8	763	0	763	0							595,70	Mới phê duyệt lại dự án, phê duyệt giá khảo sát, đang áp giá đền bù	Theo BC của UBND TPVT		
cộng:			24,8	763	-	763	-	-	-	-	-	-	-	595,7				
II. Thành phố Bà Rịa																		
II.2 Ngoài đề án																		
1	Khu tái định cư Đông Quốc lộ 56 (mở rộng)		12,46	298	-	298	-							208,41	Đang thi công	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư		

Page 4

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục số 02

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng										Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú					
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư						Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất				Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất		
				Xây dựng				Đã bàn giao											Chưa bàn giao	
				Tổng số	Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	Tổng số	Nhà xây thô										Lô nền đất	Tổng số
	cộng:		12,46	298	-	298	-	-	-	-	-	-	-	208,4						
III. Huyện Tân Thành																				
III.1 Theo Đề án																				
1	Khu tái định cư tại xã Hắc Dịch	xã Hắc Dịch	15,6	457	0	457	0							102,95	đang thi công đạt khoảng 50%	Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT				
2	Khu tái định cư tại xã Tân Phước	xã Tân Phước	15,28	498	0	498	0							152,33	đang thi công đạt khoảng 10%	Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT				
	cộng:		30,9	955	-	955	-							255,28						
IV. Huyện Đất Đỏ																				
IV.1 Theo Đề án																				
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hải Tân (khu dân cư thu nhập thấp xã Phước Hải)	Thị trấn Phước Hải	21	841	0	841	0							170,00	xây dựng các tuyến đường, hệ thống điện (hạ tầng chưa hoàn chỉnh) để phân lô và bố trí được 710 nền	Số liệu theo BC số 1769/UBND-KTHT ngày 28/4/2014 của UBND huyện đã bố trí 8 tỷ đồng để thực hiện. Hiện tình chưa ghi vốn chuẩn bị đầu tư				
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Kim Liên	Xã Phước Hội	17,5	431	0	431	0							150,00	xây dựng các tuyến đường, hệ thống điện (hạ tầng chưa hoàn chỉnh) để phân lô và bố trí được 146 nền	Số liệu theo BC số 1769/UBND-KTHT ngày 28/4/2014 của UBND huyện đã bố trí 7,2 tỷ đồng để thực hiện. Hiện tình chưa ghi vốn chuẩn bị đầu tư				

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục số 02

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng											Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú			
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư															
				Xây dựng				Đã bàn giao			Chưa bàn giao								
				Tổng số	Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất						
3	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đại Thành	TT. Phước Hải	8,02	509	0	509	0							100,00	Đang san lấp mặt bằng	Số liệu theo BC số 1769/UBND-KTHT ngày 28/4/2014 của UBND huyện đã bỏ trí 8,0 tỷ đồng để thực hiện. Hiện tỉnh chưa ghi vốn chuẩn bị đầu tư			
	cộng:		46,5	1.781	-	1.781	-							420,00					
V. Huyện Châu Đức																			
V.1 Theo Đề án																			
1	Khu tái định cư phục vụ KCN - Đô thị Châu Đức	xã Suối Nghệ	41,7	1.345	300	1045	0							166,28	đang thi công dự kiến đến cuối quý III/2014 hoàn thành	Theo BC của huyện hiện tạm ứng vốn của DN để triển khai			
	cộng:		41,7	1.345	300	1.045	-	-	-	-	-	-	-	166,3					
Cộng theo Đề án gồm 08 DA			143,9	4.844	300	4.544	-	-	-	-	-	-	-	1.437,3					
cộng ngoài đề án Gồm 01 DA			12,5	298	-	298	-	-	-	-	-	-	-	208,4					
8	Cộng chung:		156,4	5.142	300	4.842	-	-	-	-	-	-	-	1.645,7					
C. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																			
I. Thành phố Vũng Tàu																			
I.1 Theo Đề án																			
1	Dự án khu tái định cư 10 ha trong khu tái định cư 58 ha phường 10	phường 10	10	1.100	500	600	0							348,40	Đã bỏ trí vốn, đang triển khai lập dự án đầu tư	Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT			
	cộng:		10,0	1.100	500	600	-	-	-	-	-	-	-	348,4					
I.2 Ngoài đề án																			

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục số 02

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng											Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú			
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư															
				Xây dựng						Đã bàn giao			Chưa bàn giao						
				Tổng số	Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất						
1	Dự án chung cư TĐC phường Thăng Tam	phường Thăng Tam	0,6	504	504		0							504,00	Đã bố trí vốn, đang thẩm định dự án	Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư (bổ sung vào đề án)			
cộng:			0,60	504	504	-	-	-	-	-	-	-	-	504,0					
II. Thành phố Bà Rịa																			
II.2 Ngoài đề án																			
1	Khu tái định cư cánh đồng Mắc Mèo		2,74	82	-	-	82							205,58	Đã bố trí vốn, đang triển khai áp giá đền bù	Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT			
cộng:			2,74	82	0	0	82	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	205,6					
III. Huyện Tân Thành																			
III.1 Theo Đề án																			
1	Khu tái định cư xã Tân Hòa - Tân Hải	xã Tân Hải	12,7	449	120	329								143,63	Đã bố trí vốn, đã phê duyet dự án	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư			
cộng:			12,7	449	120	329	-							143,63					
IV. Huyện Long Điền																			
IV.2 Ngoài đề án																			
1	HTKT khu dân cư, tái định cư và dịch vụ hậu cần thủy sản Lò Vôi		5,4	445	0	445	0							175,40	Đã bố trí vốn, đang thẩm định dự án	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư			
cộng:			5,4	445	-	445	-							175,40					
VII. Huyện Xuyên Mộc																			
VII.1 Theo đề án																			

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ

Phụ lục số 02

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng											Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú		
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư														
				Tổng số	Xây dựng				Đã bàn giao			Chưa bàn giao						
					Tổng số	Căn hộ	Lô nền đất	Nhà xây thô	Tổng số	Nhà xây thô	Lô nền đất	Tổng số	Nhà xây thô				Lô nền đất	
1	Khu tái định cư Bàu Bàng, xã Bình châu	xã Bình châu	13,0	270	0	270	0							200,00	Đã bố trí vốn, đang thẩm định dự án	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư		
	cộng:		13,0	270		270								200,00				
	Cộng Đề án gồm 03 DA		35,7	1.819,0	620,0	1.199,0	-	-	-	-	-	-	-	692,0				
	Cộng ngoài đề án 03 DA		8,7	1.031	504	445	82	-	-	-	-	-	-	885,0				
6	Tổng cộng: 6 DA		44,4	2.850	1.124	1.644	82	-	-	-	-	-	-	1.577,0				
D. BẢNG TỔNG HỢP CHUNG 39 DỰ ÁN (kết quả thực hiện khi chưa điều chỉnh Đề án)																		
I	Các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng gồm 25 DA																	
	Theo đề án gồm 14 DA		198,9	5.826	-	5.575	251	4.020	182	3.838	1.806	69	1.737	998,8	-	-		
	Ngoài đề án gồm 11 DA		79,9	3.180	-	2.921	259	2.325	176	2.149	855	83	842	280,8				
	Cộng		278,8	9.006	-	8.496	510	6.345	358	5.987	2.661	152	2.579	1.279,6				
II	Các dự án đang triển khai gồm 08 DA																	
	Theo đề án gồm 07 DA		143,9	4.844	300	4.544	-	-	-	-	-	-	-	1.437,3				
	Ngoài đề án gồm 01 DA		12,5	298	-	298	-	-	-	-	-	-	-	208,4				
	Cộng		156,4	5.142	300	4.842	-	-	-	-	-	-	-	1.645,7				
III	Các dự án chuẩn bị đầu tư gồm 06 DA																	
	Theo đề án gồm 03 DA		35,7	1.819	620	1.199	-	-	-	-	-	-	-	692,0				
	Ngoài đề án gồm 03 DA		8,7	1.031	504	445	82	-	-	-	-	-	-	885,0				
	Cộng		44,4	2.850,0	1.124	1.644	82,0	-	-	-	-	-	-	1.577,0				
Cộng theo đề án gồm 24 DA			378,5	12.489	920	11.318	251	4.020	182	3.838	1.806	69	1.737	3.128,1				
Cộng ngoài đề án Gồm 15 DA			101,1	4.509,0	504	3.664	341	2.325	176	2.149	855	83	842	1.374,1				
	Cộng chung 39 DA		479,6	16.998	1.424	14.982	592	6.345	358	5.987	2.661	152	2.579	4.502,3				

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LOẠI BỎ ĐỂ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2015

Phụ lục số 03

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô (ha)	Số suất tái định cư dự kiến				Năm xây dựng hoàn thành dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Tổng số	Lô nền đất	Nhà xây thô	Căn hộ CC				
I. Thành phố Vũng Tàu											
1	Dự án khu tái định cư Chí Linh, TP Vũng Tàu (khu tái định cư 58 ha)	phường 10	40,0	1690	800	0	890	2011-2015	942,9	Ngân sách	
2	Dự án khu tái định cư phường 12	phường 12	11,5	600	600	0	0	2011	167,2	Ngân sách	
3	Khu đất trại gà Phước Cơ	phường 12	3,6	200	200	0	0	2012-2013	52,3	Ngân sách	
4	Khu đất nông nghiệp Phước Cơ	Nằm dọc theo đường 30-4	10	888	600	0	288	2012-2013	262,3	Ngân sách	
5	Khu đất cạnh nhà thi đấu đa năng	Góc đường Nguyễn An Ninh và đường 3-2	2,0	120	120	0	0	2010-2012	29,1	Ngân sách	
6	Khu đất đường Lưu Chí Hiếu, phường 10	Giới hạn từ Lưu Chí Hiếu đến hẻm 54 Hàn Thuyên, từ đường Bình Giả mới đến đường A2	6,0	500	300	0	200	2010-2011	168,4	Ngân sách	
7	Khu đất tại 51B giáp D57	Giáp trận địa tên lửa D57, trong khu đất có khu dự án đơn vị 319 khoảng 0,6 ha	4,2	400	200	0	200	2010-2011	142,3	Ngân sách	
	cộng:		73,1	4.398	2.820	-	1.578		1.764,5		
II. Thành phố Bà Rịa											
1	Khu tái định cư Long Toàn		10,0	300	300	0	0	2011-2014	119,0	Ngân sách	
2	Khu tái định cư Hòa Long		18,0	724	724	0	0	2011-2014	214,1	Ngân sách	
3	Khu tái định cư Long Hương		8,0	310	310	0	0	2011-2014	95,2	Ngân sách	
4	Khu tái định cư Vạn Kiếp (7ha)		7,0	350	350	0	0	2011-2014	83,3	Ngân sách	
5	Khu tái định cư tại chỗ công viên 30/4 thị xã Bà Rịa		1,0	100	100	0	0	2010-2012	100,0	Ngân sách	
6	Mở rộng khu tái định cư Bắc QL 55		8,0	200	200	0	0	2011-2012	40,0	Ngân sách	

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LOẠI BỎ ĐỂ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2015

Phụ lục số 03

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô (ha)	Số suất tái định cư dự kiến				Năm xây dựng hoàn thành dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Tổng số	Lô nền đất	Nhà xây thô	Căn hộ CC				
7	Khu tái định cư xã Long Phước		7,0	200	200	0	0	2011-2014	84,0	Ngân sách	Tổng số 10 ha, xin Làm GD1 03 ha)
8	Khu tái định cư phường Kim Dinh		12,0	450	450	0	0	2011-2014	143,0	Ngân sách	Tổng số 15 ha, xin Làm GD1 03 ha)
9	Khu tái định cư xã Tân Hưng		8,0	230	230	0	0	2011-2014	95,0	Ngân sách	Tổng số 10 ha, xin Làm GD1 02 ha)
	cộng:		79,0	2.864	2.864	-	-	-	973,6		
III. Huyện Long Điền											
1	Khu tái định cư số 2 Long Hải	Long Hải	5,6	168	168	0	0	2011-2012	57,3	Ngân sách	
2	Khu tái định cư số 3 Long Hải	Long Hải	19,0	690	690	0	0	2010	194,3	Ngân sách	
3	Khu tái định cư số 5 Long Hải	Long Hải	16,5	500	500	0	0	2011-2012	168,7	Ngân sách	
4	Khu tái định cư số 6 Long Hải	Long Hải	10,0	300	300	0	0	2015	102,3	Ngân sách	
5	Khu tái định cư số 3 Long Điền	Long Điền	18,5	700	700	0	0	2012	188,8	Ngân sách	
6	Khu tái định cư số 1 Phước Hưng	Phước Hưng	22,0	850	850	0	0	2010-2011	217,1	Ngân sách	
7	Khu tái định cư số 2 Phước Hưng	Phước Hưng	20,0	600	600	0	0	2013-2014	204,5	Ngân sách	
8	Khu tái định cư số 3 Phước Hưng	Phước Hưng	26,0	990	990	0	0	2013-2014	258,0	Ngân sách	
9	Khu tái định cư số 4 Phước Hưng	Phước Hưng	15,0	450	450	0	0	2015	153,4	Ngân sách	
10	Khu tái định cư số 1 An Ngãi	An Ngãi	20,0	840	840	0	0	2015	204,5	Ngân sách	

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LOẠI BỎ ĐỂ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2015

Phụ lục số 03

ST T	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô (ha)	Số suất tái định cư dự kiến				Năm xây dựng hoàn thành dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Tổng số	Lô nền đất	Nhà xây thô	Căn hộ CC				
11	Khu tái định cư chợ Bến An Ngãi	An Ngãi	5,0	150	150	0	0	2011-2012	51,1	Ngân sách	
12	Khu tái định cư số 1 Tam Phước	Tam Phước	5,0	150	150	0	0	2015	51,1	Ngân sách	
13	Khu tái định cư xã Phước Tỉnh	Phước Tỉnh	4,3	290	290	0	0	2010-2011	44,0	Ngân sách	
	cộng:		186,9	6.678	6.678	-	-		1.895		
IV. Huyện Châu Đức											
1	Khu tái định cư phục vụ 6 cụm CN-TTCN tập trung tại xã Đá Bạc	xã Đá Bạc	10,0	150	150	0	0	2010-2011	102,3	Ngân sách	
	cộng:		10,0	150	150	-	-		102,3		
V. Huyện Xuyên Mộc											
1	Khu tái định cư Phước Thuận, xã Phước Thuận	xã Phước Thuận	2,0	52	52	0	0	2011	20,5	Ngân sách	
2	Khu tái định cư ấp khu I, xã Bình Châu	xã Bình Châu	10,0	150	150	0	0	2012	102,3	Ngân sách	
3	Khu tái định cư Láng Sim I, thị trấn Phước Bửu	thị trấn Phước Bửu	2,0	100	100	0	0	2010-2011	20,5	Ngân sách	
4	Khu tái định cư Láng Sim II, thị trấn Phước Bửu	thị trấn Phước Bửu	6,0	160	160	0	0	2013-2015	61,4	Ngân sách	
	cộng:		20,0	462	462				204,7		
34	Tổng cộng:		369,0	14.552	12.974	-	1.578	-	4.940,2		

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

Phụ lục số 04

STT	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng				Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư					
				Tổng số	Căn hộ CC	Lô nền đất			
A. CÁC DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG									
* DANH MỤC THEO ĐỀ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT									
I. Thành phố Vũng Tàu									
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư 4,1 ha phường 10	phường 10	4,1	260	0	260	14,24		
2	HTKT Khu tái định cư Long Sơn (Giai đoạn 1 thực hiện 17 ha trong 60 ha)	Long Sơn	17,0	250	0	250	251,0		Vốn ứng trước tiền sử dụng đất các dự án của Cty CP đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn
	cộng:		21,1	510	-	510	-	265,2	
II. Thành phố Bà Rịa									
1	Khu nhà ở TĐC H20 (lô C, E, F, G) p. Phước Hưng		3,05	150	0	0	150	41,52	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
2	Khu nhà ở liên kế các lô I, K thuộc khu TĐC H20		6,8	60	0		60	48,54	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
3	Khu nhà ở liên kế các lô M thuộc khu TĐC H20		4,5	41	0		41	36,30	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
4	Khu tái định cư Đông Quốc lộ 56		23	233	0	233		28,21	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
5	Khu tái định cư Bắc Hương lộ 10 (10,56 ha)		10,56	392		392		80,57	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
6	Khu tái định cư tại chỗ công viên 30/4 thị xã Bà Rịa		10	486	-	486		130,95	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
7	Mở rộng khu tái định cư Bắc QL 55		8,8	307	0	307		33,05	
	cộng:		67,1	1.669	-	1.418	251	399,13	
III. Huyện Tân Thành									

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

Phụ lục số 04

STT	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng					Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư						
				Tổng số	Căn hộ CC	Lô nền đất	Nhà xây thô			
1	Khu tái định cư 26,54 ha tại xã Mỹ Xuân	xã Mỹ Xuân	26,5	823	0	823		120,37		có 17 lô vướng trạm điện
2	Khu tái định cư 25 ha tại thôn Vạn Hạnh, thị trấn Phú Mỹ	TT. Phú Mỹ	25,0	866		866		18,85		
3	Khu tái định cư 44 ha tại thôn Tân Phú, thị trấn Phú Mỹ	TT Phú Mỹ	44,0	1.239	0	1.239		106,43		có 34 lô chưa có đường nên không bố trí
	cộng:		95,5	2.928	-	2.928		245,65		-
IV. Huyện Long Điền										
1	Khu tái định cư số 6 Long Điền	Long Điền	1,7	55	0	55		17,40		
	cộng:		1,7	55	-	55	-	17,40		
V. Huyện Đất Đỏ										
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Bàu Bèo (khu vực Cống Dầu)	TT. Đất Đỏ	13,5	664	0	664		71,40		
	cộng:		13,5	664	-	664	-	71,40		-
Cộng theo Đề án gồm 14 DA			198,9	5.826	-	5.575	251	998,8		
* DANH MỤC CẬP NHẬT BỔ SUNG VÀO ĐỀ ÁN (Đã hoàn thành)										
I. Thành phố Vũng Tàu										
1	Khu nhà ở tạm cư 199 lô tại phường 10	phường 11	2,6	199	0	199		26,06		Mua lại của doanh nghiệp (Ngoài đề án)
	cộng:		2,6	199	-	199		26,06		
II. Thành phố Bà Rịa										
1	HTKT Khu tái định Gò Cát 6		18,0	560	0	560		61,23		Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
2	HTKT Khu tái định Gò Cát (diện tích còn lại)		8,4	243	0	243		28,10		Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
	cộng:		26,4	803	-	803		89,33		
III. Huyện Tân Thành										

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

Phụ lục số 04

STT	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng					Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư						
				Tổng số	Căn hộ CC	Lô nền đất	Nhà xây thô			
1	HTKT Khu tái định cư 02ha Mỹ Xuân	xã Mỹ Xuân	1,9	92	0	92		4,99		
2	Khu TĐC 15 ha thôn Vạn Hạnh thị trấn Phú Mỹ	TT. Phú Mỹ	15,0	603	0	504	99	32,75		
	cộng:		16,9	695	-	596	99	37,74		
IV. Huyện Long Điền										
1	Đường vào HTKT khu TĐC xã Phước Tỉnh	xã Phước Tỉnh	3,56	267	0	267		12,95		Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
2	HTKT khu TĐC thị trấn Long Hải	TT. Long hải	20,0	647	0	647		40,70		Theo BC số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của SKHĐT
	cộng:		23,6	914	-	914		53,65		
V. Huyện Châu Đức										
1	Khu tái định cư lô A-B-C-D 160 căn nhà liên kế tại xã Ngãi Giao	xã Ngãi Giao	2,37	160	0	0	160	37,98		Nằm ngoài đề án (số 82 căn đang làm thủ tục đấu giá)
2	Khu TĐC giao đất ở mới 26 lô thị trấn Ngãi Giao	TT. Ngãi Giao	0,24	26	0	26		2,30		Nằm ngoài đề án ngân sách huyện
3	Khu TĐC giao đất ở mới tại thị trấn Ngãi Giao	TT. Ngãi Giao	2,0	136	0	136				Nằm ngoài đề án ngân sách huyện
	cộng:		4,61	322	-	162	160	40,28		-
VI. Huyện Xuyên Mộc										
1	HTKT Khu tái định cư huyện Xuyên Mộc (Khu bệnh viện cũ)		5,9	247	0	247		33,71		
	cộng:		5,9	247	-	247		33,71		-
Cộng ngoài đề án Gồm 11DA			79,9	3.180	-	2.921	259	280,8		
B. CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI										
* DANH MỤC THEO ĐỀ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT										
I. Thành phố Vũng Tàu										
1	Dự án khu tái định cư phía Tây Bắc đường AIII	Giáp đường hiện hữu Nguyễn Gia Thiều	24,8	763	0	763	0	595,70	Mới phê duyệt lại dự án, phê duyệt giá khảo sát, đang áp giá đền bù	Theo BC của UBND TPVT

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

Phụ lục số 04

STT	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng					Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư						
				Tổng số	Căn hộ CC	Lô nền đất	Nhà xây thô			
	cộng:		24,8	763	-	763	-	595,7		
II. Huyện Tân Thành										
1	Khu tái định cư tại xã Hắc Dịch	xã Hắc Dịch	15,6	457	0	457	0	102,95	đang thi công đạt khoảng 50%	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHDP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
2	Khu tái định cư tại xã Tân Phước	xã Tân Phước	15,28	498	0	498	0	152,33	đang thi công đạt khoảng 10%	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHDP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
	cộng:		30,9	955	-	955	-	255,28		
III. Huyện Đất Đỏ										
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hải Tân (khu dân cư thu nhập thấp xã Phước Hải)	Thị trấn Phước Hải	21	841	0	841	0	170,00	xây dựng được các tuyến đường cùng hệ thống điện (hạ tầng chưa hoàn chỉnh) để phân lô và bố trí được 710 nền	Số liệu theo BC số 1769/UBND-KTHT ngày 28/4/2014 của UBND huyện đã bố trí 8 tỷ đồng để thực hiện. Hiện tỉnh chưa ghi vốn chuẩn bị đầu tư
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Kim Liên	Xã Phước Hội	17,5	431	0	431	0	150,00	xây dựng được các tuyến đường cùng hệ thống điện (hạ tầng chưa hoàn chỉnh) để phân lô và bố trí được 146 nền	Số liệu theo BC số 1769/UBND-KTHT ngày 28/4/2014 của UBND huyện đã bố trí 7,2 tỷ đồng để thực hiện. Hiện tỉnh chưa ghi vốn chuẩn bị đầu tư
3	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đại Thành	TT. Phước Hải	8,02	509	0	509	0	100,00	Đang san lấp mặt bằng	Số liệu theo BC số 1769/UBND-KTHT ngày 28/4/2014 của UBND huyện đã bố trí 8,0 tỷ đồng để thực hiện. Hiện tỉnh chưa ghi vốn chuẩn bị đầu tư
	cộng:		46,5	1.781	-	1.781	-	420,00		
IV. Huyện Châu Đức										
1	Khu tái định cư phục vụ KCN - Đô thị Châu Đức	xã Suối Nghệ	41,7	1.345	300	1045	0	166,28	đang thi công dự kiến đến cuối quý III/2014 hoàn thành	Theo BC của huyện hiện tạm ứng vốn của DN để triển khai
	cộng:		41,7	1.345	300	1.045	-	166,3		
Tổng cộng các dự án theo Đề án gồm 07 DA			143,9	4.844	300	4.544	-	1.437,3		trong 07 dự án đang triển khai có 03 dự án ngân sách tỉnh bố trí vốn, 03 dự án huyện tạm bố trí vốn và 01 dự án do doanh nghiệp ứng vốn trước

Page 4

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

Phụ lục số 04

STT	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng					Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư						
				Tổng số	Căn hộ CC	Lô nền đất	Nhà xây thô			
* DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẬP NHẬT BỔ SUNG VÀO ĐỀ ÁN (Đang triển khai)										
I. Thành phố Bà Rịa										
1	Khu tái định cư Đông Quốc lộ 56 (mở rộng)		12,46	298	-	298	-	208,41	Đang thi công	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
	cộng:		12,46	298	-	298	-	208,4		
Cộng ngoài đề án 01 DA			12,46	298	-	298	-	208,4		
C. CÁC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										
* DANH MỤC THEO ĐỀ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT										
I. Thành phố Vũng Tàu										
I.1 Danh mục dự án đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư										
1	Dự án khu tái định cư 10 ha trong khu tái định cư 58 ha phường 10	phường 10	10	1.100	500	600	0	348,40	Đã bố trí vốn, đang triển khai lập dự án đầu tư	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
I.2 Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020										
2	HTKT Khu tái định cư Long Sơn (Giai đoạn 2)	Long Sơn	44,0	2.000	-	2.000		500,00	Chưa bố trí vốn	Theo BC của UBND TPVT
3	Khu đất dọc đường Đỗ Lương (Từ khu nhà ở của Lữ đoàn 171 đến đường AIII)	Phường 11, 12	8,5	620	504	116		209,00	Chưa bố trí vốn	Theo BC của UBND TPVT
	cộng:		62,5	3.720	1.004	2.716	-	1.057,4		
II. Thành phố Bà Rịa										
II.2 Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020										
1	Dự án chung cư TĐC Đông QL 56		3,3	183	183		0	186,0	Chưa bố trí vốn	Dự án đã có chủ trương cho phép đầu tư được hoán đổi vị trí từ dự án chung cư TĐC H20 (14 tầng)
2	Khu tái định cư xã Long Phước (GĐ1)	xã Long Phước	3,0	100	0	100	0	35,0	Chưa bố trí vốn đầu tư	
3	Khu tái định cư phường Kim Dinh (GĐ1)	phường Kim Dinh	3,0	150	0	150	0	35,0	Chưa bố trí vốn đầu tư	

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

Phụ lục số 04

STT	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng					Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư						
				Tổng số	Căn hộ CC	Lô nền đất	Nhà xây thô			
4	Khu tái định cư xã Tân Hưng (GD1)	xã Tân Hưng	2,0	70	0	70	0	24,0	Chưa bố trí vốn đầu tư	
5	Khu tái định cư Phước Hưng	Phước Hưng	5,4	150	0	150	0	40,0	Chưa bố trí vốn đầu tư	
	cộng:		16,7	653	183	470	0	320,0		
III. Huyện Tân Thành										
<i>III.1 Danh mục dự án đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư</i>										
1	Khu tái định cư xã Tân Hòa - Tân Hải	xã Tân Hải	12,7	449	120	329	0	143,63	Đã bố trí vốn, đã phê duyệt dự án	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
	cộng:		12,7	449	120	329	-	143,63		
IV. Huyện Long Điền										
<i>IV.2 Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020</i>										
1	Khu tái định cư số 2 Phước Tinh	xã Phước Tinh	20,0	800	0	800	0	204,5	Chưa bố trí vốn đầu tư	
	cộng:		20,0	800	-	800	-	204,5		
V. Huyện Đất Đỏ										
<i>V.2 Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020</i>										
1	Khu dân cư An Hải	xã Lộc An	4,0	260	0	260	0	5,0	Chưa bố trí vốn đầu tư	
	cộng:		4,0	260	-	260	-	5,0		
VI. Huyện Xuyên Mộc										
<i>VI.1 Danh mục dự án đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư</i>										
1	Khu tái định cư Bàu Bàng, xã Bình châu	xã Bình châu	13,0	270	0	270	0	200,00	Đã bố trí vốn, đang thẩm định dự án	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHĐP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
	cộng:		13,0	270		270		200,00		
VII. Huyện Côn Đảo										
<i>VII.2 Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020</i>										
1	Khu dân cư 9a		1,4	140	0	140	0	29,00	Chưa ghi vốn, DA đang lập quy hoạch	Số liệu Theo Báo cáo số 202/UBND-TNMT ngày 27/01/2014 của UBND huyện, Hiện tình chưa ghi vốn chuẩn bị đầu tư

Page 5

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

Phụ lục số 04

STT	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng				Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư					
				Tổng số	Căn hộ CC	Lô nền đất	Nhà xây thô		
	cộng:		1,4	140	-	140	-	29,00	
Tổng cộng các dự án theo Đề án gồm 13 DA			130,3	6.292	1.307	4.985	-	1.959,5	trong 13 dự án có 3 dự án ngân sách tỉnh đã bố trí vốn, 01 DA đã có chủ trương tỉnh 09 dự án địa phương đang đề nghị bố trí vốn thực hiện
* DANH MỤC CẬP NHẬT BỔ SUNG VÀO ĐỀ ÁN (Chuẩn bị đầu tư)									
I. Thành phố Vũng Tàu									
I.1 Danh mục dự án đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư									
1	Dự án chung cư TĐC phường Thắng Tam	phường Thắng Tam	0,6	504	504		0	504,00	Đã bố trí vốn, đang thẩm định dự án
	cộng:		0,60	504	504	-	-	504,0	
I.2 Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020									
1	Khu Tái định cư Phường 6 (Khu Ao cá Bắc Hồ)	Phường 6	2,0	1.200	1.200			1.200	Theo đề nghị của địa phương TđC cho các dự án Nạo vét Kênh Bến Đình và chỉnh trang đô thị khu vực Phường 6
2	Khu TĐC Bàu Trũng (giáp tường rào sân bay)	Phường 9	0,9	600	600			600	Theo đề nghị của địa phương TđC các dự án thuộc Khu vực Nam Sân Bay
3	Khu đất dự án D95	Phường Thắng nhất	1,6	150		150		100	Theo đề nghị của địa phương TđC các dự án thuộc p. Thắng Nhất, Rạch Dừa, p. 10
4	Khu đất 5 ha	Phường 10, 11	5,0	450		450		280	Theo đề nghị của địa phương TđC các dự án thuộc các phường 10, 11, 12
	cộng:		9,5	2.400	1.800	600	-	2.180	
II. Thành phố Bà Rịa									
II.1 Danh mục dự án đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư									
1	Khu tái định cư cánh đồng Mắc Mèo		2,74	82	-	-	82	205,58	Đã bố trí vốn, đang triển khai áp giá đền bù
	cộng:		2,74	82	0	0	82	205,6	
III. Huyện Tân Thành									
III.2 Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020									

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

Phụ lục số 04

STT	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng					Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư						
				Tổng số	Căn hộ CC	Lô nền đất	Nhà xây thô			
1	Khu tái định cư 5,5 ha mỹ xuân (chuyển đổi từ dự án khu nhà ở CBCNV trạm nghiên cứu của Vinaconex)	xã Tân Hải	5,56	200	0	200	0	60,00	Đã có chủ trương đầu tư	Theo đề nghị của địa phương
2	Dự án Khu tái định cư và nhà ở xã hội thị trấn Phú Mỹ	TT. Phú mỹ	107,0	1.586		1.586		600,00	Đã có chủ trương đầu tư	Theo đề nghị của địa phương
	cộng:		112,6	1.786	-	1.786	-	660,0		
IV. Huyện Long Điền										
IV.1 Danh mục dự án đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư										
1	HTKT khu dân cư, tái định cư và dịch vụ hậu cần thủy sản Lò Vôi		5,4	445	0	445	0	175,40	Đã bố trí vốn, đang thẩm định dự án	Theo Báo cáo số 1812/SKHĐT-QHDP ngày 7/10/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư
	cộng:		5,4	445	-	445	-	175,40		
V. Huyện Châu Đức										
V.2 Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020										
1	Khu Tái định cư và nơi ở mới tại xã Đá Bạc	xã Đá Bạc	0,95	51	0	51	0	1,2	Chưa bố trí vốn đầu tư	
2	Khu Tái định cư xã Kim Long	xã Kim Long	4,7	101	0	101	0	37,0	Chưa bố trí vốn đầu tư	
3	Khu Tái định cư cho đồng bào dân tộc tại xã Bình Ba	xã Bình Ba	4,1	44	0	44	0	6,0	Chưa bố trí vốn đầu tư	
	cộng:		9,8	196	-	196	-	44,2		
VI. Huyện Xuyên Mộc										
VI.2 Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020										
1	Khu tái định cư xã Hòa Hiệp	xã Hòa Hiệp	10,0	270	0	270	0	70,00	Chưa bố trí vốn đầu tư	Theo đề nghị của địa phương
	cộng:		10,0	270		270		70,00		
Cộng ngoài đề án Gồm 13 DA			150,5	5.683	2.304	3.297	82	3.839,2	trong 13 dự án có 03 dự án ngân sách tỉnh đã bố trí vốn, 02 dự án đã có chủ trương và 08 DA địa phương đang đề nghị bố trí vốn thực hiện	
D. BẢNG TỔNG HỢP CHUNG (sau khi điều chỉnh đề án)										
I	Các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng gồm 25 DA									
	Theo đề án gồm 14 DA		198,9	5.826	Page 8	5.575	251	998,8	-	

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ THEO PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

Phụ lục số 04

STT	Tên dự án tái định cư	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng					Giá trị công trình (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Suất tái định cư						
				Tổng số	Căn hộ CC	Lô nền đất	Nhà xây thô			
	Ngoài đề án gồm 11 DA		79,9	3.180	-	2.921	259	280,8		
	Cộng		278,8	9.006	-	8.496	510	1.279,6		
II	Các dự án đang triển khai gồm 8 DA									
	Theo đề án gồm 07 DA		143,9	4.844	300	4.544	-	1.437,3		
	Ngoài đề án gồm 01 DA		12,5	298	-	298	-	208,4		
	Cộng		156,4	5.142	300	4.842	-	1.645,7		
III	Các dự án chuẩn bị đầu tư gồm 24 DA									
1	Theo đề án gồm 13 DA		130,3	6.292	1.307	4.985	-	1.959,5		
a	Danh mục dự án đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư		35,7	1.819,0	620,0	1.199,0	-	692,0		
b	Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020		94,6	4.473,0	687,0	3.786,0	-	1.267,5		
2	Ngoài đề án gồm 13 DA		150,5	5.683	2.304	3.297	82	3.839,2		
a	Danh mục dự án đã có chủ trương và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư		8,7	1.031	504	445	82	885,0		
b	Danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020		141,8	4.652,0	1.800,0	2.852,0	-	2.954,2		
	Cộng		280,8	11.975	3.611	8.282	82	5.798,7		
Cộng theo đề án gồm 34DA			473,1	16.962	1.607	15.104	251	4.395,6		
Cộng ngoài đề án Gồm 25 DA			242,9	9.161	2.304	6.516	341	4.328,3		
	Cộng chung		716,0	26.123	3.911	21.620	592	8.724,0		